

Số: 3793/2022/QĐST – HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2090/2022/TLST–HNGĐ ngày 19/9/2022 về việc: “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Dương Tiến B; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số J đường Đ, phường M, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T; Sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Số H đường Q, Khu phố N, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Dương Tiến B và bà Nguyễn Thị Thu T có yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của ông B và bà T là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thì quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Tiến B và bà Nguyễn Thị Thu T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tính cách, do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống như kinh tế, tình cảm, cách sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đến tháng 7/2021 thì ông bà đã sống ly thân.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông B, bà T cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Ông B và bà T xác định không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Tiến B và bà Nguyễn Thị Thu T cùng xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông B tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông B và bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông B, bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Tiến B và bà Nguyễn Thị Thu T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: : Ông B và bà T xác định không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà T cùng xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông Dương Tiến B tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0028382 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 19/9/2022. Ông B đã nộp đủ lệ phí, bà T không phải nộp lệ phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- UBND xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực